

Lễ hội Quán Thế Âm ở Ngũ Hành Sơn nhìn từ ghi lễ và tín ngưỡng cộng đồng

ISSN: 2734-9195 13:40 14/09/2026

Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn vừa là lễ hội Phật giáo, vừa là không gian kiến tạo cộng đồng, đồng thời là một di sản sống phản ánh khả năng bản địa hóa và nhập thế của Phật giáo trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại.

Mở đầu

Trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam, Bồ-tát Quán Thế Âm là một biểu tượng Đại thừa có sức lan tỏa sâu rộng, gắn với lý tưởng từ bi, cứu khổ và niềm tin cầu an.

Ở miền Trung, đặc biệt trong các cộng đồng cư dân ven biển và sông nước, tín ngưỡng Quán Thế Âm còn được bản địa hóa qua những thực hành hướng đến bình an, cứu nạn và sự che chở.

Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn ở Đà Nẵng là một trường hợp tiêu biểu cho sự gặp gỡ giữa nghi lễ Phật giáo, tín ngưỡng địa phương và đời sống cộng đồng.



Điểm nổi bật của lễ hội là sự đan xen giữa các nghi thức Phật giáo với những sinh hoạt văn hóa và ký ức địa phương, qua đó tạo nên một không gian vừa thiêng vừa mang tính cộng đồng.

Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn được ghi danh vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia năm 2021 cho thấy giá trị của lễ hội đã vượt ra ngoài phạm vi một sinh hoạt tự viện để trở thành một thực hành văn hóa - tôn giáo có ý nghĩa xã hội rộng lớn [1].

Nội dung

1.. Khái quát về lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn

1.1. Cơ sở Phật giáo của tín ngưỡng Quán Thế Âm

Quán Thế Âm (Sanskrit: Avalokiteśvara) là một vị Bồ-tát quan trọng trong Phật giáo Đại thừa. Trong truyền thống Đông Á, cơ sở kinh điển có ảnh hưởng đặc biệt đối với tín ngưỡng Quán Thế Âm là phẩm thứ XXV, “Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm”, thuộc *Diệu pháp Liên hoa kinh*. Hình tượng Quán Thế Âm được kiến tạo quanh hai nội dung căn bản: lắng nghe nỗi khổ của chúng sinh và tùy căn cơ mà ứng hiện để cứu độ [2]

Vì vậy, từ bi trong tín ngưỡng Quán Thế Âm không phải chỉ là một trạng thái tình cảm mà còn hàm chứa yếu tố hành động. “Quán” không đơn thuần là nhìn, “Âm” không đơn thuần là âm thanh; trong cách diễn giải Phật giáo, đó là sự lắng nghe sâu sắc để nhận biết đau khổ và đáp ứng bằng hành động cứu khổ.

Khi được truyền vào đời sống văn hóa Việt Nam, hình tượng ấy được tiếp nhận một cách linh hoạt. Đối với cư dân nông nghiệp, Quán Thế Âm gắn với cầu an và cầu phúc; đối với những cộng đồng sống bằng nghề biển và nghề sông nước, Bồ-tát còn được tin tưởng là vị cứu nạn giữa phong ba. Tại khu vực Ngũ Hành Sơn, cổng thông tin du lịch Đà Nẵng cũng ghi nhận tín ngưỡng Quán Thế Âm đặc biệt gắn gũi với cộng đồng ngư dân, gắn với ước vọng “mưa thuận gió hòa, sóng yên biển lặng” [3]

Đây chính là nền tảng giúp giải thích vì sao một lễ vía Phật giáo lại có khả năng trở thành một lễ hội cộng đồng quy mô lớn.

1.2. Không gian Ngũ Hành Sơn và chùa Quán Thế Âm

Lễ hội gắn với chùa Quán Thế Âm và khu vực núi Kim Sơn trong quần thể Ngũ Hành Sơn. Theo Hồ sơ của Cục Di sản, sự hình thành điểm thờ liên hệ với việc Hòa thượng Thích Pháp Nhãn phát hiện trong một hang động tại Kim Sơn một khối thạch nhũ thiên tạo có hình dáng được nhận diện như tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, tay cầm bình Cam Lồ.

Hang động được gọi là động Quan Âm, và một ngôi chùa được dựng bên động, lấy tên Quán Thế Âm [4].

Sự kết hợp giữa núi đá, hang động, dòng sông và cơ sở thờ tự tạo nên một dạng cảnh quan thiên nhiên đặc biệt. Không gian tôn giáo ở đây không chỉ được tạo ra bằng kiến trúc nhân tạo mà còn dựa trên việc “tôn giáo hóa” cảnh quan thiên nhiên.

Thạch nhũ được nhìn như tượng Quán Thế Âm, hang động trở thành không gian thờ tự, núi trở thành địa điểm hành hương, còn sông Cổ Cò trở thành một phần của nghi thức rước và cầu nguyện cho người đi biển.

Như vậy, địa điểm tổ chức lễ hội không phải một phong nền trung tính mà là một bộ phận cấu thành ý nghĩa của nghi lễ.

1.3. Phạm vi khảo sát và cách tiếp cận

Bài viết tập trung khảo sát Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn như một thực hành tôn giáo - văn hóa đang được cộng đồng duy trì và tái tạo. Phạm vi tư liệu gồm hồ sơ di sản, các văn bản và chương trình tổ chức lễ hội của thành phố Đà Nẵng, tư liệu của cơ quan xúc tiến du lịch, cùng kinh điển Phật giáo và một số công trình lý thuyết được sử dụng để giải thích chức năng xã hội của nghi lễ.

Về thời gian, khảo sát giai đoạn từ khi lễ hội được phục hồi năm 1991 đến năm 2026, đồng thời truy nguyên các mốc hình thành trước đó nhằm nhận diện tính liên tục và biến đổi của lễ hội.

Về cách tiếp cận, nghi lễ được xem không chỉ là chuỗi thao tác mang tính nghi thức mà là một hệ thống hành động biểu tượng. Mỗi nghi thức từ khai kinh, thượng phan, rước ánh sáng, chính lễ đến rước tôn tượng, hoa đăng và thiêu hành đều đồng thời tổ chức thời gian, không gian, cảm xúc và quan hệ giữa những người tham dự. Theo hướng này, việc phân tích không dừng ở câu hỏi “nghi lễ diễn ra như thế nào” mà còn đặt trọng tâm vào câu hỏi “nghi lễ tạo ra ý nghĩa gì và tác động thế nào đến cộng đồng”.

Khái niệm “cộng đồng” trong bài viết được hiểu theo nghĩa mở, bao gồm tăng đoàn, cư sĩ phật tử, cư dân sở tại, cộng đồng làng nghề, khách hành hương và du khách. Các nhóm này không có vai trò giống nhau, nhưng cùng tham gia vào quá trình thực hành, hỗ trợ, chứng kiến và tái thực hành lễ hội. Vì vậy, lễ hội được xem như một không gian trong đó căn tính Phật giáo, ký ức địa phương và các hình thức liên kết xã hội được biểu đạt đồng thời.

Trên nền tảng đó, bài viết triển khai phân tích ở ba bình diện: thứ nhất, cấu trúc và ý nghĩa biểu tượng của hệ thống nghi lễ; thứ hai, cơ chế tham gia và kiến tạo cộng đồng thông qua hành vi nghi lễ; thứ ba, những biến đổi đặt ra trong quá trình di sản hóa, mở rộng quy mô và phát triển du lịch tâm linh. Hai khái niệm *collective effervescence* của Émile Durkheim[5] và *communitas* của Victor Turner[6] được sử dụng ở phần phân tích cộng đồng như những công cụ diễn giải, không nhằm đồng nhất trường hợp Ngũ Hành Sơn với các bối cảnh dân tộc học mà các học giả này khảo sát.

2. Nguồn gốc và quá trình hình thành lễ hội

Theo hồ sơ tư liệu được Cục Di sản văn hóa công bố, ngày 19 tháng 2 âm lịch năm 1956, nhân dịp khánh thành chùa Quán Thế Âm, Hòa thượng Thích Pháp Nhãn thành lập Hội Phổ Quan Âm và tổ chức “Ngày hội Quan Âm”. Đây được hồ sơ di sản hiện hành xác định là mốc khởi đầu của Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn ngày nay [7].

Cần lưu ý rằng các tài liệu giới thiệu trước đây không hoàn toàn thống nhất về niên đại khởi đầu. Một số nguồn của ngành văn hóa từng ghi lễ hội lần đầu được tổ chức năm 1960 nhân khánh thành tượng Quán Thế Âm ở động Hoa Nghiêm, sau đó năm 1962 tổ chức tại chùa Quán Thế Âm; một số nguồn khác lấy năm 1962 làm dấu mốc [8].

Hồ sơ Cục Di sản văn hóa và cổng thông tin du lịch Đà Nẵng cập nhật năm 2025 hiện lấy 1956 làm mốc tiên khởi. Vì vậy, trong phạm vi bài viết này, năm 1956 được sử dụng làm mốc chính, đồng thời ghi nhận sự khác biệt của các tư liệu trước đó thay vì loại bỏ chúng.

Sau giai đoạn đầu, do chiến tranh và nhiều điều kiện lịch sử, lễ hội không được tổ chức thường xuyên ở quy mô lớn mà chủ yếu duy trì trong phạm vi chùa Quán Thế Âm cùng các chùa thuộc khu vực Ngũ Hành Sơn. Đến năm 1991, lễ hội được phục hồi và tổ chức quy mô với ba ngày chính, từ 17 đến 19 tháng 2 Âm lịch [9].

Mốc năm 1991 có ý nghĩa đặc biệt bởi nó đánh dấu sự chuyển biến từ một sinh hoạt lễ vía mang tính tự viện và địa phương sang một lễ hội tôn giáo - văn hóa có mức độ tham gia xã hội rộng lớn.

Đến năm 2021, giá trị của lễ hội được chính thức ghi nhận ở cấp quốc gia. Theo Quyết định số 601/QĐ-BVHTTDL ngày 3-2-2021 của Bộ VH TT & DL, Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn được đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thuộc loại hình “lễ hội truyền thống” [10].

Việc công nhận này cho thấy lễ hội không chỉ còn được nhìn như hoạt động nội bộ của Phật giáo mà đã trở thành một thành tố của di sản văn hóa quốc gia.

3. Thời gian, địa điểm và công tác chuẩn bị

Lễ hội truyền thống gắn với ngày 19 tháng 2 âm lịch, ngày vía đản sinh Bồ-tát Quán Thế Âm trong truyền thống Phật giáo Đông Á. Thông thường lễ hội diễn ra từ ngày 17 đến 19 tháng 2 Âm lịch; những năm gần đây chương trình có thể được kéo dài đến ngày 20. Chẳng hạn, năm 2026 lễ hội được tổ chức trong bốn ngày từ 17 đến 20 tháng 2 năm Bính Ngọ, tức từ ngày 4 đến 7/4/2026; chính lễ được cử hành lúc 7 giờ ngày 19 tháng 2 Âm lịch [11].

Công tác chuẩn bị cho lễ hội hiện nay có sự phối hợp giữa chính quyền thành phố, cơ quan văn hóa, Ban Trị sự GHPGVN Thành phố Đà Nẵng, chùa Quán Thế Âm và cộng đồng địa phương. Đáng chú ý, kế hoạch năm 2026 giao BTS GHPGVN thành phố chủ trì xây dựng chương trình nghi lễ tôn giáo và vận động tăng ni, Phật tử tham dự, trong khi trụ trì chùa Quán Thế Âm trực tiếp tổ chức các hoạt động tôn giáo và chuẩn bị cơ sở vật chất [12].

Cấu trúc tổ chức này phản ánh một đặc điểm đáng chú ý của lễ hội đương đại: cơ chế phối hợp giữa thiết chế tôn giáo và cơ quan quản lý nhà nước.

Trong đó, Giáo hội và chùa giữ vai trò chủ thể đối với nội dung tôn giáo; chính quyền và các cơ quan chức năng đảm nhiệm một phần tổ chức không gian, giao thông, y tế, an ninh, môi trường, văn hóa - thể thao và truyền thông.

Dưới góc nhìn nghi lễ học, công tác chuẩn bị không đứng ngoài nghi lễ. Việc dựng lễ đài, trang trí cờ Phật giáo, lập pháp đàn, bố trí đường rước, chuẩn bị hoa đăng, kiệu và phẩm vật chính là quá trình biến không gian sinh hoạt thường ngày thành không gian nghi lễ.

4. Cấu trúc phân lễ và ý nghĩa nghi lễ

4.1. Lễ khai kinh, thượng phan thượng kỳ thượng phước

Theo hồ sơ di sản, nghi lễ mở đầu được thực hiện từ ngày 17 tháng 2 âm lịch. Chủ lễ tiến hành khai kinh, thượng phan và thượng kỳ, hướng tới chư Phật, chư Bồ-tát và các thiện thần, đồng thời cầu nguyện mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an [13].

Đây là nghi thức có chức năng khai mở thời gian thiêng. Trước nghi thức này, khu vực chùa vẫn thuộc nhịp sống bình thường. Sau nghi thức khai kinh và thượng phan, cộng đồng bắt đầu bước vào một chu kỳ lễ hội có trật tự khác với đời sống thường nhật.

Lễ khai kinh đồng thời xác lập căn tính Phật giáo của toàn bộ lễ hội. Dù sau đó có thể xuất hiện nhiều hoạt động văn hóa, thể thao và nghệ thuật, nền tảng biểu tượng của sự kiện vẫn được đặt dưới hệ quy chiếu Phật giáo.

4.2. Lễ rước ánh sáng

Một trong những nghi thức đặc sắc nhất là Lễ rước ánh sáng, thường được tổ chức vào tối ngày 18 tháng 2 âm lịch. Theo mô tả của Cục Di sản văn hóa, đoàn rước có thể gồm hàng trăm tăng ni, Phật tử, đạo tràng và thiện tín, đi thành hàng, kết hợp kiệu, hoa, âm nhạc và các hình thức trình diễn; trong một số năm nghi thức còn gắn với hoa đăng tại khu vực sông Cổ Cò [14].

Ánh sáng trong biểu tượng Phật giáo thường gắn với trí tuệ (*prajñā*). Vì vậy, nghi thức rước ánh sáng không chỉ mang giá trị thị giác mà còn chuyển tải một nội dung giáo lý: trí tuệ có khả năng phá tan vô minh giống như ánh sáng phá tan bóng tối.

Đáng chú ý là ánh sáng không được thắp trong không gian riêng tư của từng cá nhân mà được rước đi bởi cả cộng đồng. Chính sự chuyển động tập thể ấy làm cho biểu tượng trí tuệ mang thêm chiều kích xã hội: mỗi cá nhân trở thành một bộ phận của cộng đồng đang cùng hướng về điều thiện.

4.3. Pháp đàn Quán Thế Âm và thuyết giảng Phật pháp

Thuyết giảng và pháp đàn được tổ chức trong suốt thời gian lễ hội. Nội dung liên quan tới giáo lý Phật giáo, hạnh nguyện từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, phương pháp niệm Phật, lễ Phật cũng như những vấn đề đạo đức và khó khăn trong đời sống thường nhật. Hồ sơ di sản ghi nhận đối tượng tham dự không giới hạn trong thành viên đạo tràng mà mở rộng cho Phật tử và khách thập phương

ở nhiều độ tuổi [15].

Đây là điểm cho thấy lễ hội không chỉ tạo nên một cộng đồng bằng nghi thức mà còn bằng diễn ngôn giáo lý. Người tham dự không chỉ “xem lễ” mà được hướng dẫn cách hiểu hình tượng Quán Thế Âm, cách thực hành và cách chuyển hóa tinh thần từ bi thành đời sống đạo đức. Bởi vậy, pháp đàn có chức năng giáo dục và xã hội hóa tôn giáo rất rõ rệt.

4.4. Chính lễ - Lễ vía Bồ-tát Quán Thế Âm

Ngày 19 tháng 2 âm lịch là trung tâm của toàn bộ chu kỳ lễ hội. Chính lễ bao gồm niệm hương, tụng niệm, tưởng niệm công hạnh Bồ-tát Quán Thế Âm và cầu nguyện quốc thái dân an, chúng sinh an lạc. Cục Di sản văn hóa gọi đây là “linh hồn” của lễ hội [16].

Nếu các hoạt động khác mở rộng lễ hội sang phương diện văn hóa và cộng đồng thì chính lễ có chức năng kéo toàn bộ hệ thống trở lại trung tâm thiêng là hình tượng Quán Thế Âm.

Trong chính lễ, người tham dự có thể trải nghiệm ba sự chuyển dịch về ý thức: từ nhu cầu riêng hướng tới lời cầu nguyện chung; từ nhịp sống thế tục bước vào thời gian nghi lễ; và từ vị thế cá nhân độc lập trở thành thành viên của một cộng đồng cùng chia sẻ niềm tin. Đó là lý do chính lễ có vai trò đặc biệt trong việc tái xác lập căn tính cộng đồng Phật giáo.

4.5. Lễ rước tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm

Lễ rước tôn tượng là một trong những nghi thức có sức thu hút lớn nhất. Ở một số kỳ lễ hội, tôn tượng được rước từ chùa ra sông Cổ Cò và di chuyển trên thuyền, với ý nghĩa cầu bình an cho người dân và những người sinh sống, làm ăn trên sông nước. Tư liệu về lễ hội năm 2019 ghi rõ đoàn rước đưa tượng Quán Thế Âm xuống thuyền trên sông, cầu nguyện cho đồng bào và chúng sinh đi biển, làm ăn trên sông nước được thuận lợi, bình an [17]. Nghi thức này thể hiện rất rõ quá trình bản địa hóa Phật giáo.

Từ một Bồ-tát trong kinh điển Đại thừa, Quán Thế Âm đi vào không gian cư trú và sinh kế cụ thể của cư dân miền Trung. Hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm không chỉ hiện diện trong không gian thờ tự mà còn được đưa vào không gian cộng đồng thông qua nghi thức rước. Nói cách khác, rước tượng là nghi thức đưa cái thiêng từ trung tâm thờ tự vào không gian xã hội.

4.6. Hoa đăng và thiền hành

Hoa đăng kết hợp với thiền hành làm nổi bật chiều kích nội tâm của lễ hội. Những ngọn đèn được thắp sáng vừa mang ý nghĩa cúng dường, vừa tượng trưng cho trí tuệ và sự tỉnh thức. Trong chương trình những năm gần đây, hoa đăng và thiền hành vẫn được duy trì như một thành tố quan trọng. Năm 2025, chương trình “Hoa đăng Thiền hành” được tổ chức tại khuôn viên chùa Quán Thế Âm [18].

Nếu đoàn rước tạo ra sự chuyển động hướng ngoại của cộng đồng thì thiền hành tạo ra sự chuyển động hướng nội. Hai hình thức tưởng như đối lập lại bổ sung cho nhau: một bên tạo tính cộng đồng, một bên nhấn mạnh sự tỉnh thức của cá nhân trong cộng đồng.

5. Sự đan xen giữa nghi lễ Phật giáo và nghi lễ dân gian

Một đặc trưng quan trọng làm nên bản sắc của Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn là sự tồn tại song hành giữa nghi lễ Phật giáo và nghi lễ văn hóa truyền thống.

Theo hồ sơ Cục Di sản văn hóa, bên cạnh các nghi thức Phật giáo còn có lễ tế Xuân, lễ dâng hương tưởng niệm Huyền Trân công chúa và lễ tế Tổ nghề điêu khắc đá Non Nước [19].

Sự kết hợp này không nên được hiểu đơn giản như việc “pha trộn” thiếu hệ thống giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian.

Ngược lại, nó phản ánh đặc điểm lịch sử của tôn giáo Việt Nam: tôn giáo thường tồn tại trong quan hệ tương tác với cộng đồng và ký ức địa phương.

Tưởng niệm Huyền Trân công chúa gắn lễ hội với ký ức lịch sử vùng đất.

Tế Tổ nghề đá gắn với cộng đồng nghề nghiệp Non Nước.

Tế Xuân gắn với ước vọng quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa.

Lễ Quán Thế Âm gắn với niềm tin Phật giáo về từ bi và cứu khổ.

Bốn tầng ý nghĩa gặp nhau trong một không gian và cùng hướng tới sự bình an của cộng đồng. Chính ở điểm này, lễ hội thể hiện tính chất của một không gian tích hợp văn hóa.

6. Phần hội và đời sống văn hóa cộng đồng

Nếu phần lễ nhấn mạnh tính thiêng và trật tự nghi thức, phần hội mở rộng khả năng tham gia của đông đảo công chúng.

Qua các kỳ tổ chức, phần hội bao gồm nghệ thuật dân gian, bài chòi, tuồng, múa lân - sư - rồng, đua thuyền, cờ làng, trò chơi dân gian, thư pháp, triển lãm, ẩm thực chay, hội thảo, tọa đàm và nhiều hoạt động giao lưu nghệ thuật.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Chương trình năm 2025 cho thấy mức độ mở rộng đáng kể: bên cạnh Lễ vía Quán Thế Âm còn có hội cờ làng, đi cà kheo, tọa đàm về ảnh hưởng Phật giáo trong di sản Ma Nhai, vẽ tranh thiếu nhi, âm nhạc Phật giáo, nghệ thuật dân gian, đua thuyền trên sông Cổ Cò, ẩm thực chay và chương trình đi bộ vì hòa bình.[20]

Điều này cho thấy “phần hội” không phải phần phụ có tính giải trí thuần túy, mà thực hiện ít nhất ba chức năng.

Trước hết là mở rộng thành phần tham gia. Một người chưa phải Phật tử vẫn có thể đến dự hội, thưởng thức nghệ thuật, tham gia sinh hoạt cộng đồng và từ đó tiếp xúc với không gian văn hóa Phật giáo.

Thứ hai là truyền tải văn hóa địa phương. Nghề đá Non Nước, bài chòi, nghệ thuật truyền thống và sông Cổ Cò được kết nối với lễ hội, tạo nên một không gian trình hiện bản sắc địa phương.

Thứ ba là tạo liên kết xã hội. Người dân, Phật tử, nghệ nhân, thanh thiếu niên, khách hành hương và du khách cùng tham gia vào một không gian giao tiếp vượt ra ngoài phạm vi của tự viện.

7. Lễ hội nhìn từ góc độ cộng đồng Phật giáo

7.1. Cộng đồng là chủ thể của di sản

Một điểm rất quan trọng trong hồ sơ công nhận di sản là việc xác định rõ chủ thể văn hóa của Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn.

Theo Cổng thông tin thành phố Đà Nẵng, các chủ thể gồm cộng đồng chức sắc chùa Quán Thế Âm, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại địa phương, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Đà Nẵng và cộng đồng dân cư sở tại [21].

Cách xác định này có ý nghĩa về mặt lý luận. Di sản phi vật thể không tồn tại độc lập như một vật thể có thể đặt trong bảo tàng. Nó chỉ tồn tại khi có người biết, thực hành, tin tưởng, trao truyền và tái tạo nó.

Vì vậy, không có cộng đồng thì cũng không có lễ hội theo đúng nghĩa của một di sản sống.

7.2. Tăng đoàn và Giáo hội - chủ thể kiến tạo tính chính thống nghi lễ

Trong cấu trúc lễ hội, chư Tăng giữ vai trò chủ trì các nghi thức Phật giáo: Khai kinh, lập pháp đàn, thuyết pháp, niệm hương, tụng niệm và chính lễ. Vai trò này tạo ra tính chính thống tôn giáo của lễ hội.

Nếu các hoạt động văn hóa - du lịch lấn át hệ thống nghi lễ Phật giáo, vị trí trung tâm của biểu tượng Quán Thế Âm trong cấu trúc lễ hội có nguy cơ bị suy giảm.

Do vậy, mặc dù quy mô lễ hội ngày càng lớn và sự tham gia của chính quyền ngày càng chuyên nghiệp, nội dung Phật giáo vẫn cần được đặt dưới sự hướng dẫn của Tăng đoàn và Giáo hội. Kế hoạch tổ chức năm 2026 tiếp tục thể hiện nguyên tắc ấy khi giao Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố chủ trì chương trình nghi lễ tôn giáo [22].

7.3. Cư sĩ và phật tử - từ người dự lễ đến người thực hành

Phật tử trong lễ hội không đơn giản là khán giả. Họ tụng niệm, rước kiệu, tham dự đạo tràng, thắp hoa đăng, công quả, chuẩn bị lễ vật, tham gia hậu cần và hướng dẫn khách hành hương. Như vậy, cộng đồng cư sĩ không chỉ tham dự mà còn trực tiếp tham gia vào quá trình thực hành và đồng kiến tạo nghi lễ.

Điểm này rất quan trọng đối với nghiên cứu lễ hội. Một nghi thức chỉ thật sự trở thành hành vi xã hội khi có cộng đồng tham gia.

Người chủ lễ có thể khởi xướng nghi thức, nhưng chính sự tham dự đồng bộ của hàng nghìn người mới tạo ra sức mạnh cảm xúc tập thể.

Émile Durkheim, khi nghiên cứu đời sống tôn giáo, đã chỉ ra rằng sự tập hợp của cộng đồng quanh các biểu tượng thiêng có thể tạo nên trạng thái cảm xúc tập thể mạnh mẽ, từ đó làm mới ý thức thuộc về nhóm [23].

Lễ hội Quán Thế Âm là một trường hợp có thể quan sát khá rõ cơ chế này.

7.4. “Communitas” - kinh nghiệm cộng đồng trong lễ hội

Victor Turner sử dụng khái niệm *communitas* để mô tả trạng thái cộng đồng đặc biệt xuất hiện trong quá trình nghi lễ, khi những khác biệt thường ngày về địa vị xã hội tạm thời được làm mờ và người tham dự cảm nhận mạnh mẽ hơn sự bình đẳng và liên kết với nhau [24].

Trong lễ hội Quán Thế Âm, người tham dự đến từ nhiều tầng lớp, nghề nghiệp và địa phương khác nhau.

Tuy nhiên, khi đứng trước tôn tượng Quán Thế Âm, cùng chấp tay, tụng niệm, rước ánh sáng hoặc thiền hành, những căn tính xã hội khác nhau được tạm thời đặt phía sau một căn tính chung: người tham dự lễ hội hướng về lòng từ bi.

Tất nhiên, cấu trúc xã hội không hoàn toàn biến mất. Tầng và tục vẫn có vị trí khác nhau; Ban tổ chức và người tham dự có chức năng khác nhau. Nhưng bên dưới cấu trúc ấy xuất hiện một kinh nghiệm liên đới đặc biệt.

Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến lễ hội có khả năng tạo ra sự gắn kết xã hội mạnh hơn những sự kiện vui chơi thông thường.

7.5. Cộng đồng nghề nghiệp và cộng đồng địa phương

Một đặc điểm khác biệt của Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn là phạm vi cộng đồng không dừng lại ở phật tử.

Thông qua lễ tế Tổ nghề điêu khắc đá, lễ hội gắn với cộng đồng làng nghề Non Nước. Thông qua lễ tế Xuân, lễ hội gắn với cộng đồng cư dân sở tại. Thông qua nghi lễ rước trên sông, lễ hội liên hệ với đời sống sông nước và ngư dân.

Thông qua tưởng niệm Huyền Trân công chúa, lễ hội gắn với ký ức lịch sử của vùng đất.

Như vậy, cấu trúc cộng đồng của lễ hội có thể hình dung theo những vòng tròn đồng tâm: Tầng đoàn - phật tử - cư dân địa phương - cộng đồng nghề nghiệp - khách hành hương - du khách.

Sự giao thoa của các vòng cộng đồng này tạo cho lễ hội sức sống vượt ra ngoài phạm vi của một lễ vía Phật giáo.

8. Nghi lễ như một cơ chế kiến tạo cộng đồng

Do đó, phân tích lễ hội không nên dừng ở việc nhận diện cấu trúc nghi thức, mà cần xem xét chức năng xã hội của nghi lễ trong quá trình hình thành, duy trì và tái tạo cộng đồng.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Trước hết, nghi lễ tạo ra ký ức chung.

Mỗi năm đến ngày 19 tháng 2 Âm lịch, cộng đồng trở lại cùng một địa điểm, thực hành những hành vi quen thuộc và nhắc lại câu chuyện về Quán Thế Âm. Chính sự lặp lại định kỳ khiến quá khứ được nối với hiện tại.

Thứ hai, nghi lễ tạo ra cảm xúc chung.

Hình ảnh đoàn rước, tiếng chuông, tiếng kinh, cờ Phật giáo, ánh hoa đăng và sự hiện diện của đông đảo người tham dự tạo nên một môi trường cảm xúc mà cá nhân khó có được khi thực hành một mình.

Thứ ba, nghi lễ tạo ra ngôn ngữ biểu tượng chung.

Ánh sáng biểu trưng cho trí tuệ; hoa sen gắn với thanh tịnh; Quán Thế Âm tượng trưng cho từ bi; việc chấp tay và cúi lạy biểu thị sự cung kính. Người tham dự hiểu nhau thông qua cùng một hệ thống biểu tượng.

Thứ tư, nghi lễ tạo ra chuẩn mực đạo đức chung.

Lễ hội không chỉ nói rằng Quán Thế Âm từ bi mà đặt người tham dự trước câu hỏi: người lễ bái Quán Thế Âm có thực hành lắng nghe và cứu khổ hay không?

Từ đây, giá trị xã hội của lễ hội không chỉ nằm ở bình diện niềm tin tôn giáo mà còn ở khả năng chuyển hóa lý tưởng từ bi thành chuẩn mực hành động.

Nhìn từ chiều kích xã hội, sức mạnh của nghi lễ còn nằm ở khả năng tạo ra một nhịp điệu chung cho cộng đồng. Việc nhiều người cùng tập trung trong một thời điểm, cùng hướng về một biểu tượng thiêng và cùng thực hiện những động tác tương đồng làm cho kinh nghiệm tôn giáo vượt khỏi phạm vi cá nhân. Trạng thái cảm xúc tập thể được hình thành trong đoàn rước, pháp đàn hay lễ hoa đăng không chỉ củng cố niềm tin của người tham dự mà còn làm nổi bật ý thức về sự hiện diện của một cộng đồng đang cùng chia sẻ giá trị. Đây là điểm có thể liên hệ với cách Durkheim lý giải sự gia tăng cường độ cảm xúc trong những cuộc tụ hội tôn giáo.

Kinh nghiệm cộng đồng trong lễ hội không đồng nghĩa với việc mọi khác biệt xã hội đều bị xóa bỏ. Tầng đoàn vẫn giữ vai trò chủ trì nghi lễ; cư sĩ và Phật tử đảm nhận những hình thức tham gia khác; chính quyền và cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý, tổ chức và hỗ trợ.

Trong cấu trúc phân vai ấy, những thời điểm cùng tụng niệm, cùng rước ánh sáng hoặc cùng hướng về tôn tượng có thể tạo nên một trạng thái liên đới tạm thời gắn với khái niệm *communitas* của Turner.

Tính cộng đồng của lễ hội nên được hiểu như sự tương tác giữa cấu trúc tổ chức và kinh nghiệm liên kết, chứ không phải sự xóa bỏ hoàn toàn các vị trí xã hội.

Từ góc độ di sản, quá trình này cho thấy cộng đồng không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn là chủ thể tái tạo lễ hội qua từng chu kỳ.

Mỗi lần nghi thức được lặp lại, ý nghĩa của lễ hội vừa được bảo lưu vừa được điều chỉnh để thích ứng với bối cảnh mới.

Sự tham gia của khách hành hương, du khách, nghệ nhân và các thiết chế quản lý làm phạm vi xã hội của lễ hội mở rộng hơn trước; đồng thời cũng đặt ra yêu cầu bảo đảm rằng trung tâm Phật giáo của lễ hội không bị hòa tan trong các

hoạt động trình diễn, dịch vụ và quảng bá. Vì vậy, bảo tồn lễ hội trước hết là bảo tồn năng lực thực hành và trao truyền ý nghĩa của cộng đồng, chứ không chỉ duy trì một chương trình sự kiện cố định.

9. Giá trị của lễ hội

9.1. Giá trị tôn giáo

Lễ hội trước hết là môi trường thực hành tín ngưỡng Quán Thế Âm.

Thông qua tụng niệm, lễ bái, thuyết pháp, rước tượng và hoa đăng, nội dung giáo lý được chuyển từ văn bản kinh điển thành những hành vi có thể được con người trực tiếp trải nghiệm. Điểm quan trọng ở đây là lễ hội làm cho Phật giáo trở thành một thực tại được sống, không phải chỉ là hệ thống giáo thuyết.

9.2. Giá trị đạo đức

Quán Thế Âm đại diện cho lý tưởng từ bi và lắng nghe.

Do đó, trong hệ quy chiếu giáo lý Phật giáo, việc lễ bái Quán Thế Âm không chỉ gắn với nhu cầu cầu an, cầu phúc mà còn hướng người thực hành đến việc nội tâm hóa lý tưởng từ bi và cứu khổ. Nếu người tham dự có thể chuyển hóa tinh thần “cứu khổ” thành hành động giúp đỡ người nghèo, bảo vệ môi trường, chăm sóc người yếu thế và xây dựng quan hệ xã hội bao dung hơn thì nghi lễ đã đi từ biểu tượng sang đạo đức thực hành.

9.3. Giá trị cố kết cộng đồng

Cục Di sản văn hóa đánh giá lễ hội là một “chất keo” tạo nên sự gắn kết cộng đồng, nuôi dưỡng ý thức gắn bó với quê hương và góp phần giáo dục các giá trị văn hóa truyền thống [25].

Đây có thể xem là giá trị xã hội nổi bật nhất. Lễ hội tập hợp những con người vốn sinh hoạt ở những môi trường khác nhau vào một không gian chung và tạo ra những trải nghiệm chung.

9.4. Giá trị bảo tồn văn hóa địa phương

Lễ hội đồng thời là môi trường để các loại hình văn hóa khác tiếp tục được thực hành: nghề đá Non Nước, bài chòi, tuồng, nghệ thuật dân gian, đua thuyền, ẩm thực chay và ký ức lịch sử địa phương.

Do đó, việc bảo tồn Lễ hội Quán Thế Âm không chỉ bảo tồn một nghi lễ Phật giáo mà còn góp phần bảo tồn một hệ sinh thái văn hóa.

9.5. Giá trị giao lưu và du lịch tâm linh

Trong những năm gần đây, lễ hội ngày càng thu hút người dân và khách du lịch trong nước, quốc tế. Thành phố Đà Nẵng xác định đây là một điểm hẹn văn hóa - tâm linh quan trọng, đồng thời tạo điều kiện giao lưu giữa Phật giáo Việt Nam với các cộng đồng Phật giáo và văn hóa khu vực.

Lễ hội năm 2025 tiếp tục được tổ chức ở quy mô thành phố với nhiều hoạt động tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật và thể thao, thu hút đông đảo Phật tử, người dân và du khách [26].

Tuy nhiên, đây cũng là nơi xuất hiện bài toán giữa thiêng hóa và du lịch hóa.

10. Những vấn đề đặt ra trong bảo tồn và phát huy lễ hội

Việc lễ hội trở thành Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia mang lại cơ hội lớn về quảng bá và bảo tồn nhưng đồng thời đặt ra những thách thức mới.

Trước hết là nguy cơ thương mại hóa có thể phát sinh khi quy mô phục vụ du khách và hoạt động dịch vụ gia tăng.

Khi số lượng du khách gia tăng, các hoạt động dịch vụ, hàng quán, quảng cáo và tiêu dùng cũng có khả năng mở rộng. Nếu không kiểm soát, phần hội có thể phát triển quá mạnh và lấn át phần lễ, làm cho lễ hội từ một không gian tôn giáo trở thành một sản phẩm trình diễn.

Thứ hai là khả năng sân khấu hóa nghi lễ trong quá trình mở rộng truyền thông và phục vụ công chúng.

Một nghi lễ tôn giáo trước hết được thực hiện cho cộng đồng đức tin. Khi yêu cầu truyền hình, quay phim, tổ chức sân khấu và phục vụ du lịch ngày càng lớn, nghi thức có thể bị điều chỉnh theo tiêu chí trình diễn. Bảo tồn nghi lễ vì vậy không chỉ là giữ hình thức mà còn phải giữ logic tôn giáo bên trong nghi lễ.

Thứ ba là vấn đề vai trò chủ thể của cộng đồng.

Di sản phi vật thể chỉ có thể sống khi cộng đồng còn thực hành nó. Cơ quan quản lý nhà nước có thể hỗ trợ nhưng không nên thay thế tăng đoàn, Phật tử và cư dân địa phương với tư cách chủ thể văn hóa.

Thứ tư là yêu cầu giáo dục ý nghĩa nghi lễ.

Người tham dự cần hiểu vì sao thấp hoa đăng, vì sao rước Quán Thế Âm, vì sao cầu quốc thái dân an và vì sao lòng từ bi phải đi kèm hành động. Nếu nghi lễ chỉ còn các động tác được lặp lại nhưng ý nghĩa không được truyền trao thì di sản vẫn tồn tại về hình thức nhưng mất dần nội dung.

Cuối cùng là yêu cầu kết nối bảo tồn lễ hội với đạo đức xã hội và môi trường.

Một lễ hội tôn vinh Quán Thế Âm sẽ có sức thuyết phục đặc biệt nếu hạn chế rác thải, sử dụng vật phẩm thân thiện môi trường, tổ chức thiện nguyện, chăm sóc người yếu thế và tạo điều kiện cho mọi người tham dự trong tinh thần hòa hợp.

Ở đó, “từ bi” không chỉ được tụng lên mà được nhìn thấy bằng hành động.

Từ những vấn đề trên, nguyên tắc bảo tồn phù hợp là đặt cộng đồng thực hành ở vị trí trung tâm, đồng thời xác định ranh giới chức năng giữa nghi lễ tôn giáo, hoạt động văn hóa và hoạt động phục vụ du lịch. Việc mở rộng quy mô có thể làm tăng khả năng tiếp cận của công chúng, nhưng chất lượng bảo tồn cần được đánh giá bằng mức độ duy trì ý nghĩa nghi lễ, sự tham gia thực chất của Tăng đoàn và phật tử, cũng như khả năng truyền trao các giá trị từ bi, lắng nghe và cứu khổ cho thế hệ tiếp nối.

Ở bình diện quản trị, bảo tồn và phát huy không nên được hiểu như hai mục tiêu đối lập. Phát huy chỉ bền vững khi việc quảng bá, tổ chức sự kiện và khai thác giá trị du lịch không làm biến đổi nghi lễ thành một sản phẩm trình diễn thuần túy. Ngược lại, bảo tồn cũng không có nghĩa là cố định lễ hội trong một hình thức bất biến, bởi di sản phi vật thể luôn sống trong quá trình thực hành và thích nghi.

Trường hợp Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn cho thấy yêu cầu cốt lõi là duy trì sự cân bằng giữa tính thiêng, tính cộng đồng và khả năng thích ứng của lễ hội trong đời sống đương đại.

Kết luận

Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn là một hiện tượng tôn giáo – văn hóa đặc sắc của Đà Nẵng và khu vực miền Trung. Từ một sinh hoạt tín ngưỡng gắn với chùa Quán Thế Âm và động Quan Âm ở núi Kim Sơn, lễ hội từng bước được hình thành, phục hồi, mở rộng và chính thức trở thành Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2021.

Nhìn từ góc độ nghi lễ, lễ hội tạo thành một hệ thống hành động biểu tượng tương đối hoàn chỉnh: khai kinh và thượng phan mở ra thời gian thiêng; rước ánh sáng biểu hiện trí tuệ; pháp đàn và thuyết pháp chuyển tải giáo lý; chính lễ xác lập hình tượng Quán Thế Âm làm trung tâm; rước tôn tượng đưa cái thiêng vào không gian cộng đồng; hoa đăng và thiền hành tạo điều kiện cho trải nghiệm tĩnh thức. Song song với đó, lễ tế Xuân, tưởng niệm Huyền Trân công chúa và tế Tổ nghề đá tạo nên sự giao thoa giữa Phật giáo với lịch sử và tín ngưỡng địa phương.

Nhìn từ góc độ cộng đồng, lễ hội cho thấy tôn giáo không tồn tại như một hệ thống niềm tin khép kín. Tăng đoàn, Phật tử, cộng đồng cư dân, làng nghề, cơ quan quản lý, nghệ nhân, khách hành hương và du khách cùng tham dự vào những mức độ khác nhau. Trong đó, cộng đồng Phật giáo vẫn giữ vị trí cốt lõi trong việc bảo lưu hệ thống nghi lễ và ý nghĩa tôn giáo.

Quan trọng hơn, nghi lễ không chỉ phản ánh một cộng đồng đã có sẵn mà còn tạo ra cộng đồng. Khi hàng nghìn người cùng bước trong đoàn rước, cùng chấp tay trước tôn tượng, cùng tụng niệm và cùng thắp lên những ngọn đèn, họ đang tạo nên một kinh nghiệm tập thể về sự thuộc về, liên đới và chia sẻ giá trị.

Vì vậy, giá trị sâu xa nhất của Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn không nằm ở quy mô của đám đông hay số lượng hoạt động. Đó nằm ở khả năng chuyển một biểu tượng kinh điển - Bồ-tát lắng nghe tiếng khổ của thế gian thành một thực hành cộng đồng.

Nếu lễ hội giúp con người biết lắng nghe nhau hơn, biết chia sẻ hơn, giảm đi sự vị kỷ và biết hành động trước nỗi khổ của người khác, thì lễ hội đã vượt qua chức năng tưởng niệm để trở thành một hình thức giáo dục đạo đức xã hội.

Ở ý nghĩa ấy, Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn vừa là lễ hội Phật giáo, vừa là không gian kiến tạo cộng đồng, đồng thời là một di sản sống phản ánh khả năng bản địa hóa và nhập thể của Phật giáo trong đời sống văn hóa Việt Nam đương đại.

Tác giả: **Thích Đức Viên**

Tài liệu tham khảo:

I. Văn bản quản lý Nhà nước và hồ sơ di sản

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. *Quyết định số 601/QĐ-BVHTTDL ngày 03/02/2021 về việc công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.*

Cục Di sản văn hóa. “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.” *Hồ sơ tư liệu di sản văn hóa phi vật thể*. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://dsvh.gov.vn/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-3377>.

II. Kinh điển và tài liệu lý thuyết

Durkheim, Émile. *The Elementary Forms of Religious Life*. Translated by Karen E. Fields. New York: Free Press, 1995.

Kumārajīva (Cưu-ma-la-thập), dịch. [Diệu pháp liên hoa kinh], quyển 7, “[Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm, phẩm 25]. *Taishō Shinshū Daizōkyō* 9, no. 262, 56c–58b.

Turner, Victor. *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure*. Chicago: Aldine Publishing Company, 1969.

III. Tư liệu điện tử của cơ quan Nhà nước và thành phố đà nẵng

Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng. “Lễ hội truyền thống Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia”. 2021. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danang.gov.vn/vi/w/le-hoi-truyen-thong-quan-the-am-ngu-hanh-son-duoc-cong-nhan-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-i>.

Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng. “Nhiều hoạt động đặc sắc tại Lễ hội Quán Thế Âm 2025”. 2025. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danang.gov.vn/web/dng/-/nhieu-hoat-dong-dac-sac-tai-le-hoi-quan-the-am-2025-p>.

Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng. “17 giờ ngày 04-04-2026 khai mạc Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn năm 2026”. 2026. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danang.gov.vn/web/dng/-/17-gio-ngay-04-04-2026-khai-mac-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-nam-2026>.

IV. Tư liệu du lịch - văn hóa địa phương

Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng. “Bế mạc Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng năm 2025”. 2025. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danangfantasticity.com/be-mac-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-thanh-pho-da-nang-nam-2025>.

Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng. “Danh thắng Ngũ Hành Sơn.” Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danangfantasticity.com/en/kham-pha/danh-thang-ngu-hanh-son-da-nang>.

Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng. “Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn”. 16/9/2025. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danangfantasticity.com/en/le-hoi-truyen-thong/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son>.

Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng. “Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn”. *Chương trình lễ hội năm 2025*. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danangfantasticity.com/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son/>.

Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng. “Nhiều nét đặc sắc tại Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn 2019”. 2019. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://danangfantasticity.com/nhieu-net-dac-sac-tai-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-2019>.

Văn Nghệ Đà Nẵng. “Gắn kết lễ hội Quán Thế Âm với di sản văn hóa trong phát triển du lịch tâm linh”. 2023. Truy cập ngày 10/9/2026. <https://vannghedanang.org.vn/gan-ket-le-hoi-quan-the-am-voi-di-san-van-hoa-trong-phat-trien-du-lich-tam-linh-11617.html>.

Chú thích:

[1] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn,” Hồ sơ tư liệu di sản văn hóa phi vật thể, truy cập ngày 10/9/2026, <https://dsvh.gov.vn/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-3377>; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 601/QĐ-BVHTTDL ngày 03/02/2021.

[2] Kumārajīva (Cưu-ma-la-thập), dịch, [Diệu pháp liên hoa kinh], quyển 7, “[Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm, phẩm 25], Taishō Shinshū Daizōkyō 9, no. 262, 56c-58b.

[3] Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng, “Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn,” 16/9/2025, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danangfantasticity.com/en/le-hoi-truyen-thong/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son>.

[4] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[5] Émile Durkheim, *The Elementary Forms of Religious Life*, trans. Karen E. Fields (New York: Free Press, 1995), 217–220.

[6] Victor Turner, *The Ritual Process: Structure and Anti-Structure* (Chicago: Aldine Publishing Company, 1969), 96–97.

[7] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[8] Xem Văn Nghệ Đà Nẵng, “Gắn kết lễ hội Quán Thế Âm với di sản văn hóa trong phát triển du lịch tâm linh,” 2023, truy cập ngày 10/9/2026, <https://vannghedanang.org.vn/gan-ket-le-hoi-quan-the-am-voi-di-san-van-hoa-trong-phat-trien-du-lich-tam-linh-11617.html>; Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng, “Danh thắng Ngũ Hành Sơn,” truy cập ngày 10/9/2026, <https://danangfantasticity.com/en/kham-pha/danh-thang-ngu-hanh-son-da-nang>.

[9] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[10] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 601/QĐ-BVHTTDL ngày 03/02/2021; Cục Di sản văn hóa, “Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia,” mục 367.

[11] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “17 giờ ngày 04-04-2026 khai mạc Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn năm 2026,” 2026, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danang.gov.vn/web/dng/-/17-gio-ngay-04-04-2026-khai-mac-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-nam-2026>.

[12] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “17 giờ ngày 04-04-2026 khai mạc Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn năm 2026.”

[13] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[14] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[15] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[16] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[17] Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng, “Nhiều nét đặc sắc tại Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn 2019,” 2019, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danangfantasticity.com/nhieu-net-dac-sac-tai-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-2019>.

[18] Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng, “Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn,” Chương trình lễ hội năm 2025, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danangfantasticity.com/le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son/>.

[19] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[20] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “Nhiều hoạt động đặc sắc tại Lễ hội Quán Thế Âm 2025,” 2025, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danang.gov.vn/web/dng/-/nhieu-hoat-dong-dac-sac-tai-le-hoi-quan-the>

am-2025-p.

[21] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “Lễ hội truyền thống Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn được công nhận Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia,” 2021, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danang.gov.vn/vi/w/le-hoi-truyen-thong-quan-the-am-ngu-hanh-son-duoc-cong-nhan-di-san-van-hoa-phi-vat-the-quoc-gia-i>.

[22] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “17 giờ ngày 04-04-2026 khai mạc Lễ hội Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn năm 2026.”

[23] Durkheim, *The Elementary Forms of Religious Life*, 217–220.

[24] Turner, *The Ritual Process*, 96–97.

[25] Cục Di sản văn hóa, “Lễ hội Quán Thế Âm, Ngũ Hành Sơn.”

[26] Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng, “Nhiều hoạt động đặc sắc tại Lễ hội Quán Thế Âm 2025”; xem thêm Trung tâm Xúc tiến Du lịch thành phố Đà Nẵng, “Bế mạc Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn thành phố Đà Nẵng năm 2025,” 2025, truy cập ngày 10/9/2026, <https://danangfantasticity.com/be-mac-le-hoi-quan-the-am-ngu-hanh-son-thanh-pho-da-nang-nam-2025>.